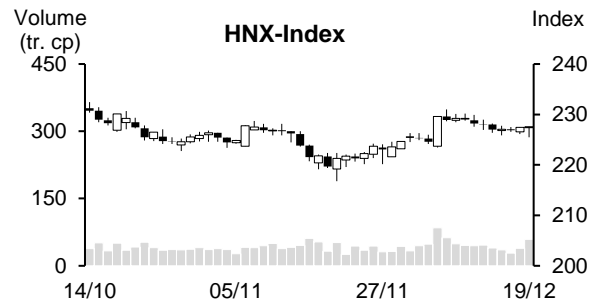
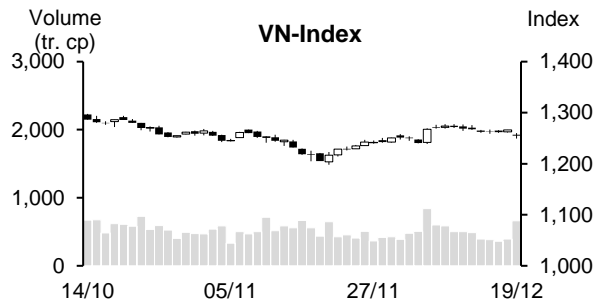


19/12/2024	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá đóng cửa	1,254.67	-0.89%	1,314.16	-1.18%	227.54	0.05%
<b>Tổng KLGD (tr. cp)</b>	<b>779.67</b>	<b>46.65%</b>	<b>274.33</b>	<b>54.22%</b>	<b>62.06</b>	<b>34.05%</b>
<b>KLGD khớp lệnh (tr. cp)</b>	<b>662.98</b>	<b>69.10%</b>	<b>239.68</b>	<b>134.67%</b>	<b>58.90</b>	<b>50.51%</b>
TB 20 phiên (tr. cp)	482.95	37.27%	155.82	53.81%	44.44	32.53%
<b>Tổng GTGD (tỷ VND)</b>	<b>17,819</b>	<b>39.68%</b>	<b>8,159</b>	<b>45.99%</b>	<b>1,182</b>	<b>24.84%</b>
<b>GTGD khớp lệnh (tỷ VND)</b>	<b>15,404</b>	<b>74.06%</b>	<b>7,015</b>	<b>114.84%</b>	<b>1,125</b>	<b>60.26%</b>
TB 20 phiên (tỷ VND)	11,420	34.89%	4,956	41.55%	794	41.71%
	Tỷ trọng %		Tỷ trọng %		Tỷ trọng %	
<b>Số mã tăng</b>	75	16%	2	7%	57	26%
<b>Số mã giảm</b>	322	71%	26	87%	86	40%
<b>Số mã đứng giá</b>	59	13%	2	7%	73	34%



## ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường chứng khoán Việt Nam bất ngờ giảm mạnh trong phiên đáo hạn phái sinh tháng 12. Quyết định của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) về lãi suất đêm qua đã khiến nhà đầu tư phản ứng tiêu cực và kết quả là thị trường chứng khoán Mỹ lao dốc khá mạnh. Và sự hoảng loạn này cũng lan sang các chỉ số chứng khoán Châu Á vào rạng sáng nay. VN-Index mở gap âm gần 10 điểm. Lực bán áp đảo ở hầu hết các nhóm ngành trụ cột trong xuyên suốt phiên giao dịch. Có thời điểm, VN-Index lùi về vùng 1,250 trong phiên chiều nhưng tại đây đã xuất hiện dòng tiền bắt đáy giúp chỉ số không giảm sâu hơn. Độ rộng thị trường cho thấy số mã giảm hoàn toàn chiếm ưu thế. Tuy nhiên, vẫn còn một số ít nhóm ngành ngược dòng tăng tốt, điển hình như dầu khí, dệt may, bảo hiểm, công nghệ, truyền thông. Động thái bán tháo ồ ạt của nhà đầu tư đẩy thanh khoản thị trường tăng trở lại vượt mức trung bình. Trong bối cảnh căng thẳng tỷ giá leo thang, khối ngoại cũng bán ròng trở lại với gần 500 tỷ đồng, tập trung ở một vài cổ phiếu như SSI, VPB, VCB.

## GÓC NHÌN KỸ THUẬT

Về mặt kỹ thuật, đồ thị VN-Index xuất hiện nền giằng co kèm khối lượng tăng cao, cho thấy áp lực bán tăng mạnh, nhưng tín hiệu không quá tiêu cực. Hiện chỉ số vẫn giữ được vùng hỗ trợ 1240-1260, chúng tôi giữ kỳ vọng có thể sẽ sớm có hồi phục tại đây, nếu có nền tảng tốt vượt 1267 trở lại thì khả năng sẽ là tín hiệu xác nhận đáy. Đối với HNX-Index, chỉ số có được phiên tăng điểm nhờ nhịp hồi cuối phiên. Tín hiệu xuất hiện nền rút chân kèm khối lượng tiếp tục gia tăng, cho thấy lực cầu cải thiện, nếu tiếp tục có phiên tăng tốt thì khả năng sẽ cho tín hiệu tạo đáy trong vùng hỗ trợ 224-227. Chiến lược chung có thể duy trì tỷ trọng trung bình và cân nhắc gia tăng thêm nếu có tín hiệu xác nhận đáy, ưu tiên chú ý các nhóm như Ngân hàng, Dệt may, Thủy sản, Phân bón, Công nghệ, Chăn nuôi heo, Hóa chất, Săm lốp.

Cổ phiếu khuyến nghị: Bán DCL – Mua CMG

(Xem chi tiết ở trang 2)

## DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ THEO TÍN HIỆU KỸ THUẬT

## Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	DCL	Bán	20/12/2024	26.60	27.20	-2.2%	31.0	14.0%	26	-4.4%	Tín hiệu suy yếu
2	CMG	Mua	20/12/2024	56.50	56.50	0.0%	63.0	11.5%	53.5	-5.3%	Tín hiệu bật tăng tốt từ hỗ trợ

## Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	DDV	Mua	09/12/2024	20.26	18.40	10.1%	21	14.1%	17	-7.6%	
2	VPB	Mua	10/12/2024	18.80	19.40	-3.1%	21	8.2%	18.7	-4%	
3	GIL	Mua	16/12/2024	21.80	22.00	-0.9%	24	9.1%	21	-5%	
4	REE	Mua	19/12/2024	67.30	67.8	-0.7%	74	9.1%	65	-4%	

## TIN TỨC TRONG NGÀY

### Tin trong nước

#### **Tỷ giá tăng vượt ngưỡng can thiệp, NHNN bán lượng lớn USD ổn định thị trường**

Trong phiên 18/12, tỷ giá liên ngân hàng đã tăng vượt giá bán can thiệp của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) và chốt phiên ở mức 25.453 VND/USD, đưa tổng mức tăng từ đầu năm lên gần 5%. Trước đó, từ chiều ngày 24/10, NHNN đã tăng giá bán USD can thiệp niêm yết tại Sở Giao dịch lên 25.450 VND/USD. Đồng thời, Nhà điều hành thông báo tới các ngân hàng về việc nối lại hoạt động bán ngoại tệ can thiệp ngoại tệ theo hình thức giao ngay, tại mức tỷ giá 25.450 VND/USD – bằng mức giá can thiệp được NHNN đưa ra hồi tháng 4/2024. Tuy nhiên, từ đó đến ngày 17/12, các ngân hàng chưa thực hiện mua ngoại tệ từ NHNN.

Với việc mua vào lượng khá lớn ngoại tệ trong phiên 18/12, đây là lần đầu tiên hệ thống ngân hàng cần tới nguồn hỗ trợ ngoại tệ từ Nhà điều hành trong hơn 5 tháng qua. Trước đó, NHNN cũng đã phải bán ra lượng lớn ngoại tệ để hạ nhiệt tỷ giá trong giai đoạn từ tháng 4 đến đầu tháng 7 với con số ước tính theo Chứng khoán Rồng Việt là khoảng 6,4 tỷ USD.

Như vậy, kể từ đầu năm đến nay, NHNN đã bán ra khoảng 6,5 - 7 tỷ USD để ổn định thị trường ngoại tệ. Hoạt động điều hành này giúp kiềm chế đà tăng tỷ giá nhưng đã phần nào ảnh hưởng tới thanh khoản VNĐ của hệ thống ngân hàng.

#### **Lần đầu tiên trong lịch sử, thu ngân sách ngành thuế vượt mốc 1,7 triệu tỷ đồng/năm**

Phó Tổng Cục trưởng Tổng cục Thuế (Bộ Tài Chính) - cho biết, tổng thu Ngân sách Nhà nước (NSNN) năm 2024 do cơ quan thuế quản lý ước vượt 16,5% dự toán. Với mức tăng 13,7% so với cùng kỳ năm 2023, đây là năm đầu tiên số thu ngành thuế quản lý vượt mốc trên 1,7 triệu tỷ đồng. Như vậy, tính từ năm 2021 đến hết năm 2024, tổng thu NSNN ước đạt khoảng 7,2 triệu tỷ đồng, đạt 86,5% so mục tiêu giai đoạn 2021-2025 là 8,3 triệu tỷ đồng, trong đó tổng thu NSNN do cơ quan thuế quản lý lũy kế giai đoạn 2021 - 2024 ước đạt khoảng 6,1 triệu tỷ đồng, bằng 119% so với dự toán, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn khoảng 8,6%/năm.

#### **Tín dụng bất động sản tại TP HCM gấp 8 lần sau 10 năm**

Ông Nguyễn Đức Lệnh, Phó Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh TP HCM cho biết tín dụng bất động sản (BDS) tại TP HCM đã tăng từ 132.000 tỷ đồng vào năm 2014 lên 1.047.000 tỷ đồng vào cuối tháng 10/2024, tức gấp khoảng 8 lần và chiếm khoảng 27,4% trong tổng dư nợ tín dụng 3,8 triệu tỷ đồng. Tăng trưởng tín dụng BDS trong 10 tháng đầu năm là 8,5%, trong khi tín dụng chung trong 10 tháng chỉ tăng 6,87% và trong 11 tháng tăng 8,1%.

Nguồn: Cafef, Vietnambiz

## Tin doanh nghiệp niêm yết

### **KQKD Big4 ngân hàng năm 2024: Tài sản BIDV vượt 100 tỷ USD, tăng trưởng tín dụng VietinBank gần 15%**

Tại hội nghị triển khai nhiệm vụ ngân hàng năm 2025, lãnh đạo 4 ngân hàng quốc doanh đã hé lộ sơ bộ về kết quả kinh doanh năm 2024.

Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV - Mã: BID) cho biết, quy mô tổng tài sản sẽ vượt mốc 2,6 triệu tỷ đồng (100 tỷ USD); dư nợ tín dụng đạt gần 2 triệu tỷ đồng, tăng trưởng khoảng 14%.

Tổng Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank) tiết lộ rằng dự kiến lợi nhuận trước thuế của ngân hàng sẽ tăng gần 8% so với năm 2023. Ước tính lợi nhuận trước thuế riêng lẻ của ngân hàng sẽ đạt khoảng 27.568 tỷ đồng trong năm nay. Về tổng tài sản, Agribank dự kiến đến hết năm 2025 đạt khoảng 2,2 triệu tỷ đồng, tăng 7,9%. Nguồn vốn đạt 2 triệu tỷ đồng, tăng 6% trong khi dư nợ đạt trên 1,7 triệu tỷ đồng, tăng trưởng 11%. Tỷ lệ nợ xấu nội bảng, nợ tiềm ẩn trở thành nợ xấu, nợ tại VAMC chưa xử lý đến 10/12/2024 đã giảm xuống 3,74%, giảm 2,29 điểm % so với cuối năm 2021.

Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank - Mã: VCB) dự kiến đến cuối năm 2024, tăng trưởng tín dụng ở mức 13% đạt quy mô trên 1,4 triệu tỷ đồng, tổng tài sản đạt gần 2 triệu tỷ đồng, tỷ lệ nợ xấu kiểm soát dưới 1% ....

Trong khi đó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank - Mã: CTG) cho biết, tính đến hết tháng 11/2024, tổng tài sản của ngân hàng ước đạt hơn 2,3 triệu tỷ đồng, tăng 14,7% so với năm 2023.

Trong đó, tín dụng tăng trưởng 14,2% so với năm 2023 (đến ngày 10/12 tăng 14,8%); nguồn vốn huy động đạt gần 1,7 triệu tỷ đồng, tăng 11,3% so với cuối năm 2023; tỷ lệ nợ xấu được kiểm soát ở mức 1,1%.

### **TCM lãi vượt kế hoạch 63% sau 11 tháng, đầy đơn hàng đến quý 1/2025**

Báo cáo sơ bộ của công ty mẹ CTCP Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công (HOSE: TCM) cho thấy doanh thu lũy kế 11 tháng khoảng 3,481 tỷ đồng, tăng 10% so với cùng kỳ và đạt 94% kế hoạch năm. Lãi sau thuế ước đạt 263.2 tỷ đồng, tăng 49% và vượt 63% mục tiêu lợi nhuận năm. Riêng tháng 11, doanh thu công ty mẹ đạt 325 tỷ đồng và lãi sau thuế 20.9 tỷ đồng, tăng 18% và 151% so với cùng kỳ 2023. Trong đó, doanh thu chủ yếu từ sản phẩm may (76%), kế đến là vải (16%) và sợi (7%).

TCM cho biết đến nay đã gần lấp đầy đơn hàng cho quý 1/2025 và chuẩn bị tiếp nhận đơn hàng cho quý 2. Năm qua, TCM đẩy mạnh đơn hàng đến Hàn Quốc, đặc biệt đơn hàng từ Tập đoàn E-Land với 10 triệu sản phẩm may, gấp đôi năm 2023.

### **HDBank nâng vốn điều lệ lên hơn 35.100 tỷ đồng**

Ngân hàng TMCP Phát triển TP HCM (HDBank - Mã: HDB) vừa công bố thông tin thay đổi tổng số lượng cổ phiếu lên 3,51 tỷ cổ phiếu, sau đợt phát hành trả cổ tức năm 2023 với tỷ lệ 20%. Ngân hàng đã phát hành thêm gần 583 triệu cổ phiếu, tương ứng với 5.825 tỷ đồng vốn điều lệ. Sau thay đổi trên, tổng vốn điều lệ của HDBank đã tăng từ 29.276 tỷ đồng lên hơn 35.101 tỷ đồng.

Nguồn: Vietnambiz, Vietstock

**THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG****Thống kê giao dịch khớp lệnh****TOP 5 TÁC ĐỘNG TĂNG INDEX**

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
GEE	31,900	6.33%	0.01%
KDH	35,600	1.71%	0.01%
SAM	7,320	6.86%	0.00%
CMG	56,500	1.62%	0.00%
YEG	17,800	6.91%	0.00%

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
DHT	96,300	7.00%	0.16%
PVS	34,700	1.76%	0.09%
PGS	33,700	9.77%	0.05%
GMA	58,900	9.89%	0.03%
VIF	17,500	1.74%	0.03%

**TOP 5 TÁC ĐỘNG GIẢM INDEX**

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
VCB	92,400	-0.75%	-0.08%
HPG	26,850	-1.83%	-0.06%
TCB	23,750	-1.86%	-0.06%
VHM	40,200	-1.71%	-0.06%
BID	46,450	-0.85%	-0.04%

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
DTK	11,300	-5.83%	-0.15%
KSV	81,000	-1.10%	-0.06%
SHS	13,100	-1.50%	-0.05%
CEO	13,700	-2.14%	-0.05%
VCS	61,800	-0.96%	-0.03%

**TOP 5 KHỐI LƯỢNG KHỚP LỆNH**

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	KL KL (cp)
SSI	26,200	0.00%	30,722,013
HPG	26,850	-1.83%	30,343,905
SHB	10,200	-1.45%	22,189,793
VPB	18,800	-1.05%	21,117,631
VIX	10,200	-1.45%	19,962,020

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	KL KL (cp)
SHS	13,100	-1.50%	7,025,717
TNG	26,000	1.56%	5,131,646
PVS	34,700	1.76%	4,820,432
CEO	13,700	-2.14%	4,513,323
TIG	13,400	0.00%	3,457,635

**TOP 5 GIÁ TRỊ KHỚP LỆNH**

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	GT KL (tỷ VND)
HPG	26,850	-1.83%	817.4
SSI	26,200	0.00%	791.9
FPT	148,100	-0.40%	712.2
MWG	59,800	-0.66%	423.7
VPB	18,800	-1.05%	396.2

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	GT KL (tỷ VND)
PVS	34,700	1.76%	166.0
TNG	26,000	1.56%	132.8
MBS	29,000	0.00%	97.9
SHS	13,100	-1.50%	91.8
CEO	13,700	-2.14%	62.0

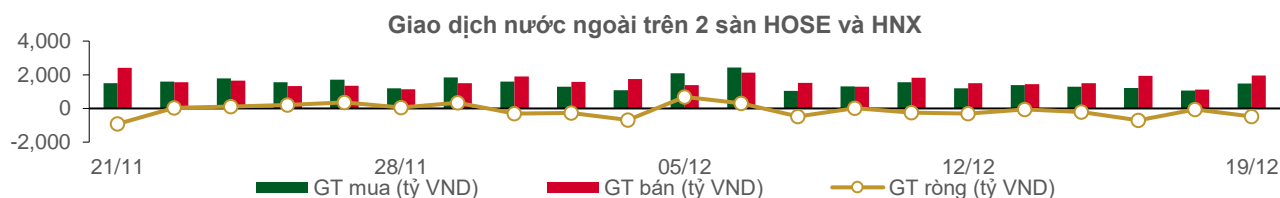
**Thống kê giao dịch thỏa thuận****TOP 5 GIAO DỊCH THỎA THUẬN**

HOSE		
Mã CK	KL thỏa thuận (cp)	GT thỏa thuận (tỷ VND)
EIB	14,453,000	265.45
STB	7,600,000	262.87
NAB	16,000,000	254.40
MSB	14,114,000	162.31
MSN	2,291,100	161.43

HNX		
Mã CK	KL thỏa thuận (cp)	GT thỏa thuận (tỷ VND)
VGP	781,152	23.12
BAB	1,869,986	22.44
DNP	381,684	7.94
PVI	52,000	2.81
PPT	41,000	0.60

## Thống kê giao dịch khối ngoại

Sàn GD	KL nước ngoài mua (tr. cp)	GT nước ngoài mua (tỷ VND)	KL nước ngoài bán (tr. cp)	GT nước ngoài bán (tỷ VND)	KL mua/bán ròng (tr. cp)	GT mua/bán ròng (tỷ VND)
HOSE	38.11	1,418.15	61.70	1,897.72	(23.59)	(479.57)
HNX	2.12	60.43	3.24	57.69	(1.12)	2.74
<b>Tổng 2 sàn</b>	<b>40.23</b>	<b>1,478.57</b>	<b>64.94</b>	<b>1,955.41</b>	<b>(24.71)</b>	<b>(476.84)</b>



### TOP 5 MUA NHIỀU CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL mua (cp)	GT mua (tỷ VND)
FPT	148,100	1,922,488	284.57
SSI	26,200	4,922,140	127.84
MWG	59,800	1,804,400	107.63
HPG	26,850	3,794,150	102.31
MSN	70,400	1,238,400	87.19

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL mua (cp)	GT mua (tỷ VND)
PVS	34,700	523,500	18.08
MBS	29,000	453,000	13.09
IDC	56,900	200,400	11.32
TNG	26,000	194,300	4.94
TIG	13,400	147,400	1.96

### TOP 5 BÁN NHIỀU CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL bán (cp)	GT bán (tỷ VND)
SSI	26,200	9,625,600	247.54
FPT	148,100	1,183,635	175.17
HPG	26,850	5,020,530	135.24
MSN	70,400	1,521,428	107.21
VPB	18,800	5,407,200	101.61

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL bán (cp)	GT bán (tỷ VND)
SHS	13,100	966,800	12.62
CEO	13,700	836,100	11.47
MBS	29,000	274,500	7.83
NTP	64,000	70,200	4.45
BVS	37,500	98,200	3.68

### TOP 5 MUA RÒNG CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
FPT	148,100	738,853	109.40
KDH	35,600	1,357,525	48.01
DGC	116,000	226,410	26.29
HSG	18,950	973,500	18.33
DBC	28,350	644,428	18.19

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
PVS	34,700	429,800	14.87
IDC	56,900	161,600	9.13
MBS	29,000	178,500	5.26
TNG	26,000	136,328	3.42
DHT	96,300	16,500	1.54

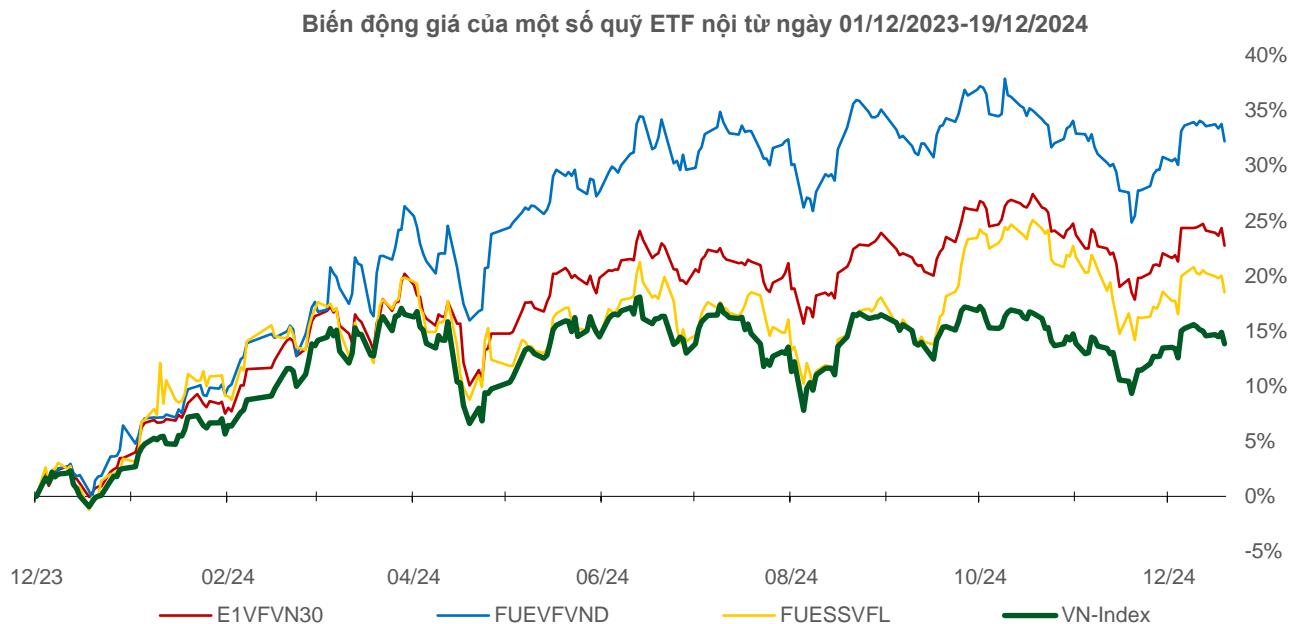
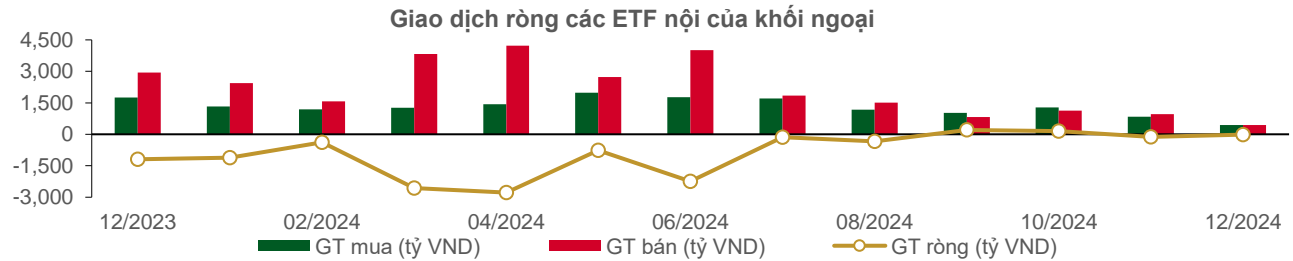
### TOP 5 BÁN RÒNG CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
SSI	26,200	(4,703,460)	(119.71)
VPB	18,800	(4,750,900)	(89.24)
VCB	92,400	(773,281)	(71.55)
PDR	21,050	(2,958,800)	(62.41)
VHM	40,200	(1,053,583)	(42.69)

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
SHS	13,100	(966,800)	(12.62)
CEO	13,700	(815,500)	(11.19)
NTP	64,000	(65,600)	(4.16)
BVS	37,500	(90,000)	(3.38)
HUT	15,800	(162,500)	(2.54)

**Thống kê giao dịch các chứng chỉ quỹ ETF nội**

THỐNG KÊ GIÁ					MUA BÁN CỦA KHỐI NGOẠI			
Mã CK	Đóng cửa VND	Thay đổi (%)	KLGD (cp)	GTGD (tỷ VND)	Mã CK	GT mua (tỷ VND)	GT bán (tỷ VND)	GT ròng (tỷ VND)
E1VFN30	23,050	-1.3%	885,454	20.38	E1VFN30	13.91	17.79	(3.89)
FUEMAV30	15,920	-1.2%	900	0.01	FUEMAV30	0.01	0.01	0.00
FUESSV30	16,410	-0.8%	7,534	0.12	FUESSV30	0.03	0.10	(0.07)
FUESSV50	19,560	-1.5%	12,100	0.24	FUESSV50	0.03	0.21	(0.18)
FUESSVFL	21,140	-1.3%	158,912	3.36	FUESSVFL	2.64	1.15	1.50
FUEVFVND	32,840	-1.2%	597,259	19.63	FUEVFVND	11.70	15.36	(3.66)
FUEVN100	17,650	-0.8%	52,621	0.93	FUEVN100	0.14	0.57	(0.42)
FUEIP100	8,810	6.1%	1,554	0.01	FUEIP100	0.00	0.01	(0.01)
FUEKIV30	8,770	-1.2%	700	0.01	FUEKIV30	0.00	0.00	0.00
FUEDCMID	11,750	0.0%	14,088	0.16	FUEDCMID	0.11	0.01	0.09
FUEKIVFS	12,600	-1.9%	700	0.01	FUEKIVFS	0.00	0.01	(0.01)
FUEMAVND	13,850	-1.0%	901,600	12.36	FUEMAVND	12.27	12.36	(0.08)
FUEFCV50	11,690	2.5%	5,036	0.06	FUEFCV50	0.00	0.00	0.00
FUEBFVND	12,510	0.0%	0	0.00	FUEBFVND	0.00	0.00	0.00
FUEKIVND	12,350	0.0%	0	0.00	FUEKIVND	0.00	0.00	0.00
FUEABVND	10,200	0.0%	0	0.00	FUEABVND	0.00	0.00	0.00
<b>Tổng cộng</b>			<b>2,638,458</b>	<b>57.28</b>	<b>Tổng cộng</b>	<b>40.85</b>	<b>47.59</b>	<b>(6.74)</b>



## Thông kê giao dịch chứng quyền có bảo đảm

Mã chứng quyền (*)	Giá đóng cửa (VND)	Thay đổi (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND) (**)	Chênh lệch so với giá đóng cửa (VND)	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày GDCC
CACB2403	580	-7.9%	21,010	126	24,800	309	(271)	25,000	4.0	24/04/2025
CACB2404	790	-7.1%	9,410	217	24,800	423	(367)	25,000	4.0	24/07/2025
CACB2405	900	0.0%	0	144	24,800	277	(623)	25,500	4.0	12/05/2025
CFPT2314	7,380	-1.1%	40,820	19	148,100	7,265	(115)	85,750	8.6	07/01/2025
CFPT2402	7,610	-3.2%	2,830	217	148,100	5,245	(2,365)	134,060	4.0	24/07/2025
CFPT2403	7,440	0.5%	1,320	126	148,100	4,555	(2,885)	134,060	4.0	24/04/2025
CFPT2404	3,500	-2.8%	20,540	316	148,100	2,250	(1,250)	120,160	14.9	31/10/2025
CFPT2405	3,630	-3.5%	2,260	236	148,100	2,172	(1,458)	134,060	9.9	12/08/2025
CHPG2334	160	-20.0%	212,050	19	26,850	97	(63)	26,810	7.3	07/01/2025
CHPG2339	570	-5.0%	4,990	14	26,850	186	(384)	27,470	1.8	02/01/2025
CHPG2402	1,100	-5.2%	43,610	151	26,850	520	(580)	28,180	2.7	19/05/2025
CHPG2403	220	-15.4%	123,400	75	26,850	71	(149)	30,500	4.0	04/03/2025
CHPG2406	1,120	-5.9%	6,330	309	26,850	599	(521)	28,000	4.0	24/10/2025
CHPG2407	870	-7.5%	398,950	126	26,850	562	(308)	26,000	4.0	24/04/2025
CHPG2408	1,000	-6.5%	69,950	217	26,850	583	(417)	27,000	4.0	24/07/2025
CHPG2409	1,750	-7.4%	52,360	316	26,850	1,310	(440)	25,000	3.0	31/10/2025
CHPG2410	1,180	0.0%	0	236	26,850	501	(679)	28,000	4.0	12/08/2025
CMBB2315	1,210	-2.4%	20,060	19	23,850	1,105	(105)	19,570	3.9	07/01/2025
CMBB2402	1,580	-5.4%	71,150	151	23,850	910	(670)	23,480	2.0	19/05/2025
CMBB2404	1,010	-3.8%	39,950	75	23,850	655	(355)	23,500	2.0	04/03/2025
CMBB2405	550	-5.2%	10,230	217	23,850	281	(269)	26,000	4.0	24/07/2025
CMBB2406	450	-6.3%	161,490	126	23,850	247	(203)	25,000	4.0	24/04/2025
CMBB2407	1,470	-5.2%	810	316	23,850	774	(696)	26,000	2.0	31/10/2025
CMSN2317	10	0.0%	38,910	14	70,400	0	(10)	86,870	8.0	02/01/2025
CMSN2401	620	-1.6%	1,940	75	70,400	127	(493)	82,000	8.0	04/03/2025
CMSN2404	1,900	-5.5%	2,120	217	70,400	1,118	(782)	79,000	4.0	24/07/2025
CMSN2405	1,210	-7.6%	30,040	126	70,400	676	(534)	79,000	4.0	24/04/2025
CMSN2406	1,400	-1.4%	290	316	70,400	1,019	(381)	79,000	6.0	31/10/2025
CMWG2314	870	-6.5%	213,680	19	59,800	844	(26)	51,590	9.9	07/01/2025
CMWG2401	1,460	-6.4%	22,100	151	59,800	903	(557)	65,480	4.0	19/05/2025
CMWG2403	630	-11.3%	19,020	75	59,800	449	(181)	64,490	5.0	04/03/2025
CMWG2405	1,180	-4.1%	76,740	126	59,800	739	(441)	66,000	4.0	24/04/2025
CMWG2406	1,710	-8.1%	21,910	217	59,800	1,156	(554)	66,000	4.0	24/07/2025
CMWG2407	1,060	-7.8%	8,330	316	59,800	819	(241)	70,000	6.0	31/10/2025
CMWG2408	1,160	0.0%	0	144	59,800	605	(555)	65,000	6.0	12/05/2025
CPOW2315	60	-45.5%	7,480	14	12,400	16	(44)	13,460	2.0	02/01/2025
CSHB2306	10	0.0%	15,760	14	10,200	0	(10)	12,240	1.9	02/01/2025
CSHB2401	770	-4.9%	9,010	144	10,200	133	(637)	11,500	2.0	12/05/2025
CSTB2328	200	-13.0%	161,550	19	33,900	185	(15)	33,000	8.0	07/01/2025
CSTB2333	240	-17.2%	14,150	14	33,900	82	(158)	36,110	2.0	02/01/2025
CSTB2402	1,870	-2.1%	44,040	151	33,900	1,704	(166)	30,000	3.0	19/05/2025
CSTB2404	1,140	0.0%	28,150	75	33,900	925	(215)	31,000	4.0	04/03/2025
CSTB2408	650	-5.8%	31,810	126	33,900	412	(238)	36,000	4.0	24/04/2025
CSTB2409	960	-4.0%	132,300	217	33,900	617	(343)	36,000	4.0	24/07/2025
CSTB2410	1,200	-7.7%	18,630	316	33,900	837	(363)	38,000	3.0	31/10/2025
CSTB2411	1,490	-2.6%	1,000	144	33,900	664	(826)	34,000	4.0	12/05/2025
CTCB2403	740	-7.5%	84,870	316	23,750	379	(361)	26,000	5.0	31/10/2025
CTCB2404	1,060	-0.9%	3,400	236	23,750	372	(688)	25,000	5.0	12/08/2025
CTPB2403	870	-2.3%	320	144	16,000	192	(678)	17,500	3.0	12/05/2025
CVHM2318	10	-50.0%	40,510	14	40,200	0	(10)	53,460	5.0	02/01/2025
CVHM2402	1,110	-2.6%	320	75	40,200	431	(679)	41,500	4.0	04/03/2025
CVHM2406	670	-9.5%	6,740	217	40,200	269	(401)	50,000	4.0	24/07/2025



Bản tin chứng khoán

CVHM2407	390	-13.3%	51,870	126	40,200	141	(249)	49,000	4.0	24/04/2025
CVHM2408	2,060	-5.5%	50,870	316	40,200	1,502	(558)	38,000	4.0	31/10/2025
CVHM2409	1,380	-9.2%	3,040	236	40,200	680	(700)	42,000	5.0	12/08/2025
CVIB2305	290	-17.1%	113,900	19	18,900	261	(29)	17,750	4.8	07/01/2025
CVIB2402	710	-11.3%	45,960	151	18,900	406	(304)	20,510	1.7	19/05/2025
CVIB2405	1,200	-6.3%	12,200	126	18,900	850	(350)	18,000	2.0	24/04/2025
CVIB2406	630	-7.4%	140,080	217	18,900	389	(241)	19,000	4.0	24/07/2025
CVIB2407	1,710	-5.5%	64,240	316	18,900	1,220	(490)	18,000	2.0	31/10/2025
CVIB2408	990	0.0%	0	144	18,900	254	(736)	19,500	4.0	12/05/2025
CVIC2314	10	0.0%	50,820	14	40,300	0	(10)	54,570	5.0	02/01/2025
CVIC2404	780	-6.0%	9,360	126	40,300	580	(200)	43,000	4.0	24/04/2025
CVIC2405	1,160	-4.9%	11,000	217	40,300	857	(303)	43,000	4.0	24/07/2025
CVNM2311	10	-50.0%	64,910	19	63,900	0	(10)	75,820	9.5	07/01/2025
CVNM2315	30	0.0%	9,230	14	63,900	0	(30)	84,240	3.8	02/01/2025
CVNM2401	1,020	-4.7%	18,100	151	63,900	458	(562)	63,830	7.7	19/05/2025
CVNM2405	970	-10.2%	12,260	126	63,900	382	(588)	68,000	4.0	24/04/2025
CVNM2406	1,390	-8.0%	4,550	217	63,900	549	(841)	69,000	4.0	24/07/2025
CVNM2407	1,120	-0.9%	420	316	63,900	578	(542)	68,000	6.0	31/10/2025
CVPB2315	10	0.0%	97,000	19	18,800	0	(10)	22,170	5.4	07/01/2025
CVPB2319	20	0.0%	31,920	14	18,800	0	(20)	22,740	1.8	02/01/2025
CVPB2401	1,020	-2.9%	38,620	151	18,800	505	(515)	19,940	1.9	19/05/2025
CVPB2403	800	0.0%	9,380	75	18,800	451	(349)	19,000	2.0	04/03/2025
CVPB2407	430	-10.4%	37,540	217	18,800	227	(203)	21,000	4.0	24/07/2025
CVPB2408	530	-14.5%	4,100	126	18,800	263	(267)	21,000	2.0	24/04/2025
CVPB2409	830	-9.8%	11,380	316	18,800	496	(334)	22,000	2.0	31/10/2025
CVPB2410	1,040	0.0%	0	236	18,800	328	(712)	21,000	3.0	12/08/2025
CVRE2320	20	100.0%	23,880	14	17,050	0	(20)	32,330	2.0	02/01/2025
CVRE2402	90	0.0%	29,470	75	17,050	8	(82)	23,500	4.0	04/03/2025
CVRE2405	570	-5.0%	24,470	126	17,050	386	(184)	19,000	2.0	24/04/2025
CVRE2406	440	-6.4%	46,530	217	17,050	309	(131)	19,000	4.0	24/07/2025
CVRE2407	1,620	-1.8%	47,220	316	17,050	1,466	(154)	16,000	2.0	31/10/2025
CVRE2408	840	-1.2%	10	236	17,050	345	(495)	20,000	3.0	12/08/2025

(\*) Tất cả đều là chứng quyền mua, thực hiện kiểu Châu Âu và phương thức thanh toán thực hiện chứng quyền bằng tiền

(\*\*) PHS định giá theo mô hình Black-Scholes

## DANH MỤC CỔ PHIẾU PHÂN TÍCH

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá hợp lý *	Ngày ra báo cáo
<a href="#">NLG</a>	HOSE	37,300	40,600	16/12/2024
<a href="#">DGC</a>	HOSE	116,200	127,900	09/12/2024
<a href="#">HDB</a>	HOSE	23,800	68,000	29/11/2024
<a href="#">DBD</a>	HOSE	59,100	33,600	26/11/2024
<a href="#">MBB</a>	HOSE	24,200	31,100	21/11/2024
<a href="#">IMP</a>	HOSE	48,000	42,550	19/11/2024
<a href="#">ACB</a>	HOSE	25,150	31,900	04/11/2024
<a href="#">VPB</a>	HOSE	19,000	24,600	02/10/2024
<a href="#">SAB</a>	HOSE	57,400	70,700	26/09/2024
<a href="#">KDH</a>	HOSE	35,000	43,700	25/09/2024
<a href="#">CTG</a>	HOSE	36,250	40,200	18/09/2024
<a href="#">HPG</a>	HOSE	27,350	28,200	06/09/2024
<a href="#">PVT</a>	HOSE	27,700	31,650	26/08/2024
<a href="#">POW</a>	HOSE	12,600	15,900	23/08/2024
<a href="#">TCB</a>	HOSE	24,200	28,200	21/08/2024
<a href="#">DRI</a>	UPCOM	12,913	14,100	20/08/2024
<a href="#">TCM</a>	HOSE	47,000	58,500	14/08/2024
<a href="#">NT2</a>	HOSE	19,800	22,300	09/08/2024

Bản tin chứng khoán

<a href="#">VNM</a>	HOSE	64,700	76,100	07/08/2024
<a href="#">BMI</a>	HOSE	20,900	29,200	07/08/2024
<a href="#">IJC</a>	HOSE	13,700	17,300	06/08/2024
<a href="#">QNS</a>	UPCOM	51,835	58,500	02/08/2024
<a href="#">ANV</a>	HOSE	20,700	35,300	05/07/2024
<a href="#">DPR</a>	HOSE	38,600	44,600	02/07/2024
<a href="#">GEG</a>	HOSE	11,300	18,300	01/07/2024
<a href="#">GAS</a>	HOSE	68,500	82,900	03/06/2024
<a href="#">VHC</a>	HOSE	73,900	79,300	28/05/2024
<a href="#">BSR</a>	UPCOM	22,106	23,200	24/05/2024
<a href="#">CTD</a>	HOSE	66,900	87,500	24/05/2024
<a href="#">FMC</a>	HOSE	47,000	55,100	04/05/2024
<a href="#">PVD</a>	HOSE	24,150	31,000	02/05/2024
<a href="#">STK</a>	HOSE	24,750	38,550	04/04/2024
<a href="#">MSB</a>	HOSE	11,500	20,700	19/03/2024
<a href="#">VIB</a>	HOSE	19,150	27,000	07/02/2024
<a href="#">VHM</a>	HOSE	40,900	63,300	26/01/2024
<a href="#">MSH</a>	HOSE	52,100	55,900	17/01/2024
<a href="#">SIP</a>	HOSE	83,700	83,400	10/01/2024
<a href="#">KBC</a>	HOSE	28,150	36,000	10/01/2024
<a href="#">IDC</a>	HNX	57,000	56,000	10/01/2024
<a href="#">VCB</a>	HOSE	93,100	87,329	10/01/2024
<a href="#">BID</a>	HOSE	46,850	55,870	10/01/2024
<a href="#">TPB</a>	HOSE	16,250	24,130	10/01/2024
<a href="#">OCB</a>	HOSE	10,850	19,164	10/01/2024
<a href="#">STB</a>	HOSE	34,200	34,494	10/01/2024
<a href="#">LPB</a>	HOSE	33,700	18,389	10/01/2024
<a href="#">SHB</a>	HOSE	10,350	16,146	10/01/2024
<a href="#">MWG</a>	HOSE	60,200	61,600	10/01/2024
<a href="#">FRT</a>	HOSE	185,900	119,200	10/01/2024
<a href="#">DGW</a>	HOSE	41,700	55,300	10/01/2024
<a href="#">PNJ</a>	HOSE	97,500	101,000	10/01/2024
<a href="#">PLX</a>	HOSE	39,300	42,300	10/01/2024
<a href="#">PVS</a>	HNX	34,100	40,300	10/01/2024
<a href="#">VRE</a>	HOSE	17,100	37,700	10/01/2024

Nguồn: PHS

\* Giá hợp lý chưa điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

## **Đảm bảo phân tích**

Báo cáo được thực hiện bởi Phạm Quang Chương, chuyên viên phân tích – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

## **Miễn trừ trách nhiệm**

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).  
Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM  
Điện thoại: (84-28) 5 413 5479 Fax: (84-28) 5 413 5472  
Customer Service: 1900 25 23 58 Call Center: (84-28) 5 413 5488  
E-mail: [info@phs.vn](mailto:info@phs.vn) / [support@phs.vn](mailto:support@phs.vn) Web: [www.phs.vn](http://www.phs.vn)

PGD Phú Mỹ Hưng  
Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên,  
Phường Tân Phú, Quận 7,  
Tp. HCM  
Điện thoại: (84-28) 5 413 5478  
Fax: (84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3  
Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn  
Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3,  
Tp. HCM  
Điện thoại: (84-28) 3 820 8068  
Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Thanh Xuân  
Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04  
Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung  
Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội  
Điện thoại: (84-24) 6 250 9999  
Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình  
Tòa nhà Park Legend  
251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận  
Tân Bình, Tp. HCM.  
Điện thoại: (84-28) 3 813 2401  
Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi nhánh Quận 1  
Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà  
Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi,  
Phường Nguyễn Thái Bình, Quận  
1, Tp. HCM  
Điện thoại: (84-28) 3 535 6060  
Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Hải Phòng  
Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần  
Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải  
Phòng  
Điện thoại: (84-225) 384 1810  
Fax: (84-225) 384 1801